

Số: **505** /QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 18 tháng 4 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới thành phố Hải Phòng đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09/6/2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28/10/2008 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-TTg ngày 05/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 2048/QĐ-UBND ngày 29/11/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Chương trình Xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2010 – 2020;

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 17/TTr-SKHCN ngày 12/4/2012.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới thành phố Hải Phòng đến năm 2020 (sau đây viết tắt là Chương trình) với các nội dung sau:

I. Mục tiêu của Chương trình:

1- Xây dựng các luận cứ khoa học, đề xuất các cơ chế, chính sách phục vụ xây dựng nông thôn mới.

2- Xây dựng và áp dụng các giải pháp khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới .

3- Lựa chọn, xây dựng và triển khai áp dụng các mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ thích hợp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

4- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức KH&CN, góp phần nâng cao tri thức và khả năng áp dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất và đời sống nông thôn.

II. Nhiệm vụ của Chương trình:

1. Nghiên cứu xây dựng các luận cứ khoa học, đề xuất các cơ chế, chính sách phục vụ xây dựng nông thôn mới:

- Các luận cứ và cơ chế, chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa.
- Các luận cứ và cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ, phục vụ cho nông nghiệp, nông thôn.
- Các luận cứ và cơ chế, chính sách phát triển nông thôn mới bền vững.
- Các luận cứ và cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực xã hội tham gia xây dựng nông thôn mới.
- Các luận cứ và cơ chế, chính sách sử dụng có hiệu quả đất nông nghiệp.

2. Nghiên cứu xây dựng và áp dụng các giải pháp khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới:

- Các giải pháp quy hoạch, kiến trúc, xây dựng cơ sở hạ tầng, cảnh quan nông thôn mới gắn với bảo tồn các giá trị truyền thống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.
- Các giải pháp chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế, xã hội nông thôn.
- Các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống của nông thôn mới Hải Phòng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- Các giải pháp bảo đảm dân chủ và an sinh xã hội nông thôn mới.
- Các giải pháp bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội nông thôn mới.
- Các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị nông thôn mới.
- Nghiên cứu hoàn thiện mô hình nông thôn mới thành phố Hải Phòng.
- Nghiên cứu các giải pháp phát triển các ngành kinh tế phi nông nghiệp (công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn).
- Nghiên cứu các giải pháp áp dụng, nhân rộng mô hình "Cánh đồng mẫu lớn".

3. Nghiên cứu lựa chọn, xây dựng và triển khai áp dụng các mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ thích hợp:

- Mô hình phát triển nông nghiệp ven đô. Tập trung xây dựng điểm mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, theo hướng khai thác thế mạnh riêng của từng vùng như sản xuất rau an toàn, vùng hoa, cây cảnh nhà vườn, vùng lúa hàng hóa chất lượng cao, vùng cây ăn quả đặc sản, vùng chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung.

- Mô hình bảo quản, chế biến nông sản và tổ chức sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Tập trung xây dựng các mô hình ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ sơ chế, bảo quản và chế biến; hình thành các tổ đội chuyên sâu trong sản xuất.

- Mô hình ứng dụng công nghệ tưới tiêu hiện đại tiết kiệm nước, kết hợp với các biện pháp canh tác nông nghiệp giảm phát thải khí mê tan và hiệu ứng nhà kính.

- Mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao kết hợp với cơ giới hóa nông nghiệp. Tập trung xây dựng các mô hình ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ sản xuất giống; chế phẩm sinh học; tiến bộ kỹ thuật trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản để nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất; trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản theo kỹ thuật VietGAP, VietGAHP tại các vùng sản xuất hàng hóa tập trung; các mô hình ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất...

- Mô hình quản lý môi trường nông thôn. Tập trung vào xây dựng và áp dụng các mô hình quản lý và xử lý rác thải, nước thải, tận dụng phế phẩm nông nghiệp. Ứng dụng các biện pháp kỹ thuật xử lý ô nhiễm môi trường nước các vùng nuôi trồng thủy sản. Các công nghệ xử lý nước thải, khí thải cho các làng nghề.

4. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức KH&CN, góp phần nâng cao tri thức và khả năng áp dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất và đời sống nông thôn.

- Xây dựng điểm thông tin KH&CN tại các xã, bao gồm tủ sách KH&CN, cơ sở dữ liệu KH&CN nông nghiệp và đời sống nông thôn, tra cứu, hỏi - đáp thông tin về KH&CN trên cổng thông tin điện tử KH&CN.

- Xuất bản Bản tin Khoa học và Công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới, ra hàng tuần, phát hành xuống các xã.

- Xây dựng chuyên mục Khoa học và Đời sống trên Đài truyền thanh các xã.

- Tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức về kỹ thuật sản xuất, vệ sinh môi trường nông thôn, chăm sóc sức khỏe cộng đồng,... cho nông dân.

III. Kinh phí thực hiện Chương trình

1. Kinh phí thực hiện Chương trình từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của thành phố bố trí hàng năm; từ ngân sách Trung ương đối với các nhiệm vụ được Trung ương hỗ trợ các địa phương thực hiện theo Quyết định số 27/QĐ-TTg và các Chương trình khoa học và công nghệ khác có liên quan;

từ nguồn Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố; từ các nguồn huy động khác.

IV. Tổ chức thực hiện:

1- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì cùng các Sở, Ngành, địa phương liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể hàng năm trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện; chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hàng năm tổng kết đánh giá tình hình thực hiện Chương trình, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

2- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các ngành liên quan căn cứ Chương trình chung, cân đối, lồng ghép, bố trí các nguồn lực, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cùng các địa phương thực hiện các nội dung của Chương trình.

3- Ủy ban nhân dân các huyện, các xã phối hợp tổ chức thực hiện Chương trình trên địa bàn bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

Điều 2. Các ông/bà Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, thủ trưởng các Ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, các xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT;
- Như điều 2;
- CPVP;
- CV: KHCN;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đàm Đức Hiệp